

# THỰC TRẠNG CÁC NGUỒN VỐN TÀI CHÍNH KHÍ HẬU TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Nhung

Nguyễn Minh Hoà

Vũ Thị Phương Anh

Đỗ Thị Hoàng Anh

**Tóm tắt:** Trong nhiều năm qua, Việt Nam đã rất nỗ lực thực hiện các cam kết quốc tế về chống biến đổi khí hậu (BĐKH). Nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác từ khu vực tư nhân, các chương trình hợp tác song phương và đa phương cho việc này không ngừng tăng qua các năm. Tuy nhiên, so với mục tiêu quốc gia về chống BĐKH, nguồn vốn tài chính khí hậu (TCKH) thực sự là thách thức lớn đối với Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá thực trạng các nguồn vốn tài trợ cho hoạt động BĐKH tại Việt Nam và kinh nghiệm các quốc gia, nghiên cứu nhấn mạnh vai trò quan trọng và tiên phong của các Chính phủ. Theo đó, nghiên cứu cho rằng, Chính phủ Việt Nam cần có giải pháp quyết liệt hơn đảm bảo tính minh bạch thông tin về các chương trình BĐKH, quá trình phân bổ và sử dụng nguồn vốn tài trợ. Ngoài ra, Việt Nam có thể cân nhắc triển khai thực hiện gắn thẻ chỉ tiêu cho BĐKH. Đặc biệt, phát triển thị trường tài chính xanh với sản phẩm trái phiếu xanh nên được xem xét và triển khai như là kênh dẫn vốn và công cụ điều tiết các nguồn lực cho quá trình phát triển bền vững của nền kinh tế.

**Từ khóa:** Nguồn vốn tài chính khí hậu; Phát triển bền vững; Tài chính khí hậu.

## Đặt vấn đề

Việt Nam hiện đang là quốc gia xếp ở vị trí thứ 13 toàn cầu xét về mức độ tổn thương do BĐKH trong giai đoạn từ năm 2000-2019 (Eckstein và cộng sự, 2021). Hàng năm tại Việt Nam, các thảm họa thiên nhiên diễn ra ngày càng thường xuyên và khắc nghiệt hơn, mọi diễn biến không thể dự báo trước khiến cho việc khắc phục hậu quả trở nên khó khăn. Cụ thể, theo ước tính Việt Nam đã trải qua tổng cộng 226 sự kiện thảm họa thiên nhiên trong giai đoạn 20 năm, từ năm 1999 đến năm 2018 (Eckstein và cộng sự, 2021). Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020) đưa ra kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, theo đó nguy cơ ngập

có thể lên đến 31,94% và 47,29% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long - vùng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do BĐKH ở Việt Nam nếu mực nước biển dâng tương ứng 80cm và 100cm. Vì thế, để ứng phó với mối đe dọa ấy, Việt Nam đã và đang có những hành động nhằm triển khai và thực thi các chiến lược, đồng thời mở rộng các quan hệ hợp tác quốc tế trong BĐKH. Cụ thể, Việt Nam đã tham gia ký Công ước khí hậu ngày 11/6/1992, Nghị định thư Kyoto ngày 3/12/1998 và Thỏa thuận Paris về BĐKH vào ngày 22/4/2016. Mới đây nhất trong sự kiện COP 26 được diễn ra vào tháng 11 năm 2021 tại Glasgow (Vương quốc Anh), Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã có bài phát biểu cam kết thực hiện mức phát thải ròng

bằng “0” vào năm 2050. Việt Nam nêu rõ con đường hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội phải là con đường “xanh”, nỗ lực trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào năm 2045, phù hợp với xu thế phát triển chung của toàn cầu.

Tuy nhiên, đi cùng với những nỗ lực trong nhiều năm qua, các chính sách và nguồn tài chính tài trợ cho các chương trình và hoạt động phòng chống BĐKH ở Việt Nam vẫn còn nhiều thách thức. Với mục tiêu đánh giá các nguồn vốn TCKH tại Việt Nam trong giai đoạn 5 năm 2016-2021, bài viết chỉ ra những kết quả và hạn chế của các nguồn vốn TCKH, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả nguồn vốn TCKH tại Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

## **1. Tổng quan về tài chính khí hậu và các nguồn vốn tài chính khí hậu**

### **1.1. Khái niệm tài chính khí hậu**

Tài chính khí hậu được Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu – UNFCCC - định nghĩa là “nguồn tài chính dành riêng cho việc thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu trên toàn cầu, nhằm mục đích giảm phát thải khí nhà kính, giảm tính dễ bị tổn thương, duy trì và tăng khả năng phục hồi của con người và sinh thái, xây dựng hệ thống đối phó với các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu” (United Nations, 1992). Định nghĩa này thể hiện khía cạnh rộng nhất của tài chính khí hậu vì nó liên quan đến dòng vốn cho tất cả các hoạt động, chương trình hoặc dự án hỗ trợ các dự án liên quan đến biến đổi khí hậu, dù là giảm thiểu hay thích ứng, ở bất kỳ đâu trên thế giới.

Theo Ellisi và cộng sự (2013) và World Bank (2021), các công cụ TCKH hiện nay khá đa dạng, bao gồm: (i) Công cụ vốn chủ sở hữu (Equity instruments); (ii) Công cụ tài trợ (Grant instruments), (iii) Công cụ giảm thiểu rủi ro (De-risking instruments), (iv) Trái phiếu xanh

(Green Bond), (v) Công cụ nợ liên quan đến thị trường carbon, (vi) Tín dụng xanh (Green Credit), (vii) Khoản cho vay ưu đãi (Concessional Loans).

### **Các nội dung cơ bản của tài chính khí hậu**

TCKH bao gồm: (i) Huy động nguồn vốn TCKH; (ii) Phân bổ nguồn vốn TCKH; (iii) Giám sát và đánh giá TCKH; (iv) Nguyên tắc về hiệu quả viện trợ TCKH.

Huy động nguồn TCKH: Để ứng phó với những thách thức của BĐKH cũng như thực hiện chiến lược xây dựng nền kinh tế carbon thấp đòi hỏi mỗi quốc gia phải huy động một lượng tài chính khổng lồ. Nguồn vốn cần sử dụng chắc chắn nằm ngoài khả năng ngân sách quốc gia, vì thế việc huy động thêm tài chính từ nguồn bên ngoài là điều vô cùng cần thiết, trong đó phải kể đến nguồn lực từ khu vực tư nhân và hệ thống tài chính quốc tế.

Phân bổ nguồn vốn TCKH: Để phân bổ một cách công bằng và hiệu quả, việc đánh giá mức độ tổn thương của từng quốc gia là vô cùng cần thiết, nhưng ngoài ra cần có nhiều tiêu chí khác bổ sung để đánh giá. Các quỹ thích ứng cần được dành cho những cộng đồng dễ bị tổn thương hơn về mặt kinh tế - xã hội, các nhóm dân cư có thu nhập thấp hơn mức thu nhập trung bình và bị ảnh hưởng nặng nề bởi BĐKH.

Giám sát và đánh giá TCKH: Giám sát TCKH không chỉ quan trọng để xác định việc tuân thủ các cam kết TCKH trong khuôn khổ UNFCCC mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các nước nhận tài trợ ở cấp quốc gia.

Nguyên tắc về hiệu quả viện trợ TCKH: Các nguyên tắc cơ bản liên quan đến TCKH được xem xét trong Công ước khung Liên hợp quốc về BĐKH (UNFCCC) bao gồm 10 nguyên tắc.

### **1.2. Nguồn vốn tài chính khí hậu**

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước: Theo báo cáo của High-Level Advisory Group on

Climate Change Financing (2010), một số nguồn mà chính phủ các nước (bao gồm cả nước phát triển và đang phát triển) có thể thực hiện để tăng cường nguồn lực cho ngân sách nhà nước, từ đó có thể sử dụng để tài trợ cho các hoạt động BDKH có thể kể đến như: (i) nguồn thu từ khoản viện trợ nước ngoài, (ii) nguồn thu từ các khoản thuế/phí/lệ phí.

Nguồn vốn từ nguồn tài trợ song phương: Các nguồn hỗ trợ song phương (hay sự hợp tác giữa hai quốc gia) được UNFCCC định nghĩa là các dòng ngân sách khác nhau từ các nhà tài trợ song phương khác nhau, trong đó nêu ra những điều kiện để tiến hành các hoạt động ứng phó BDKH, nguồn hỗ trợ chủ yếu từ các tổ chức, các quốc gia phát triển. Nguồn song phương có thể kể đến như Vương quốc Anh (Anh), Đức, Nhật Bản,... Ngoài ra còn có một số nhà tài trợ khác, gồm cả Abu Dhabi, cam kết hỗ trợ và giúp đỡ các nước đang phát triển hoặc kém phát triển, các quốc gia và khu vực dễ bị tổn thương do BDKH xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu thích ứng và giảm nhẹ BDKH. Nguồn hỗ trợ song phương không chỉ đơn thuần cung cấp về mặt tài chính mà mang lại sự mở rộng về kinh nghiệm cũng như công nghệ cho các quốc gia tiếp nhận nguồn tài trợ. Ngoài ra, nguồn hỗ trợ song phương còn giúp giảm áp lực về việc quản lý nguồn tài trợ vì đây chỉ là hợp tác giữa hai quốc gia nên việc đánh giá tính hiệu quả dòng tiền được giảm áp lực kiểm soát hơn.

Nguồn vốn từ nguồn tài trợ đa phương: Theo Công ước khung của Liên hợp quốc (UNFCCC), các quỹ khí hậu đa phương (hai hay nhiều tổ chức, quốc gia cùng hợp tác) được cung cấp bởi các định chế đa phương như các ngân hàng phát triển đa phương (Multilateral development banks), các cơ quan của Liên hợp quốc (LHQ) và các tổ chức tài chính đã được thành lập trong hoặc ngoài khuôn khổ của chính Công ước khung của Liên hợp quốc (UNFCCC) nhằm xây dựng hệ thống quản lý và cung cấp

vốn cho các quốc gia thực hiện kế hoạch phòng chống BDKH (United Nations, 1992). Đặc trưng nổi bật của các nguồn tài trợ này là sự đa dạng và kết hợp khéo léo, đồng bộ của các tổ chức, quỹ hay các quốc gia phát triển cùng hướng đến mục tiêu chung, từ đó nâng cao hiệu quả một cách nhanh chóng.

Nguồn vốn từ khu vực tư nhân: Sự tham gia của tài chính tư nhân có vai trò vô cùng quan trọng trong việc bù đắp sự thiếu hụt tài chính. Ngoài nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vay nợ, viện trợ, nguồn đầu tư tư nhân đóng vai trò là các nguồn lực tại chỗ tham gia đóng góp vào công tác ứng phó với BDKH. Doanh nghiệp tư nhân là một trong những đối tượng chính hỗ trợ chính phủ các quốc gia thực hiện công tác phòng chống BDKH hiệu quả, thông qua hình thức góp vốn, thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng đô thị bền vững, sản xuất của cải đáp ứng nhu cầu khẩn cấp của xã hội,... Các nguồn TCKH tiềm năng bao gồm các ngân hàng thương mại, công ty đầu tư, công ty bảo hiểm và quỹ tài sản có chủ quyền.

## **2. Các nguồn vốn tài chính khí hậu tại Việt Nam**

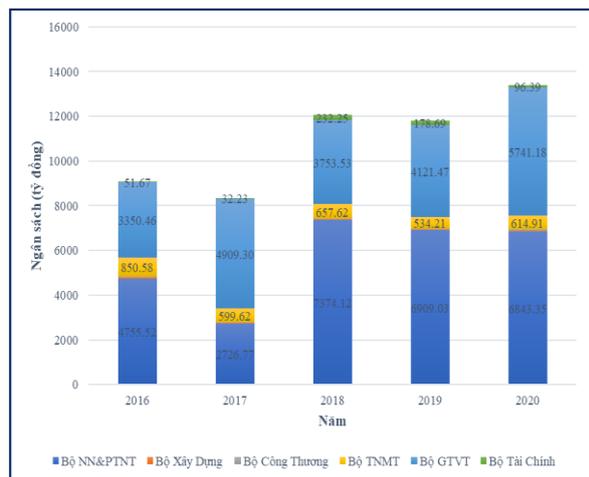
### **2.1. Thực trạng các nguồn vốn tài chính khí hậu tại Việt Nam**

#### *Ngân sách nhà nước của các bộ*

Hình 1 cung cấp thông tin về tổng chi tiêu hàng năm cho hoạt động ứng phó với BDKH trong giai đoạn 2016-2020 của 6 bộ (bao gồm Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Khoa học và Công nghệ). Về tổng thể, xu hướng chi tiêu của 6 bộ tăng dần qua các năm, với khoảng hơn 9.090 tỷ đồng vào năm 2016 và giảm nhẹ xuống còn gần 8.351 tỷ đồng năm 2017, sau có xu hướng tăng dần lên và đạt mức 13.400 tỷ đồng vào năm 2020. Xét về cơ cấu chi tiêu, trong khi tổng vốn đầu tư trong

nước và chi thường xuyên trong nước có biểu hiện tăng, nguồn ngân sách ODA cho BDKH lại có xu hướng giảm vào cuối năm 2020. Năm 2016 và 2017, tỷ trọng đầu tư ODA và chi

HÌNH 1. NGÂN SÁCH CHO BDKH

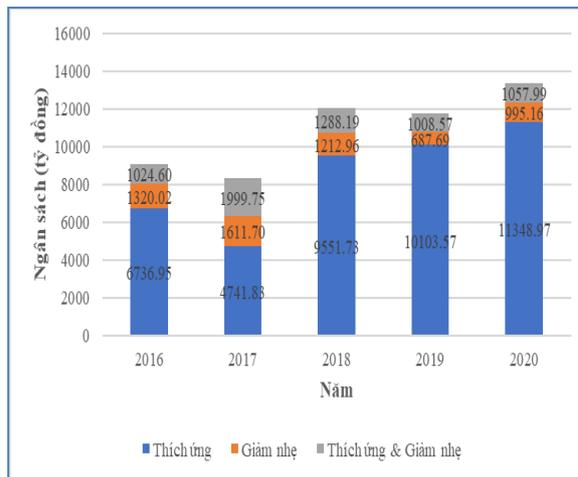


Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các bộ.

Ngoài ra, Hình 1 cũng cho thấy phần lớn các khoản chi được sử dụng để đầu tư cho các dự án giao thông đường bộ và thủy lợi của Bộ NN&PTNT. Với gần 4.756 tỷ đồng trong năm 2016, con số chi tiêu cho BDKH của Bộ NN & PTNT giảm đáng kể xuống còn 2.727 tỷ đồng trong năm tiếp theo trước khi đạt mức cao nhất là 7.374 tỷ đồng vào năm 2018 và cuối cùng giảm đều xuống 6.843 tỷ đồng vào năm 2020. Mức ngân sách chiếm tỷ lệ lớn nhất cho thấy tầm quan trọng của Bộ NN&PTNT trong việc thực hiện các kế hoạch hành động quốc gia về BDKH thuộc giai đoạn 2016-2020. Theo sau đó, Bộ GTVT đứng ở vị trí thứ hai với mức chi tăng từ hơn 3.350 tỷ đồng năm 2016 lên 5.741 tỷ đồng vào năm 2020. Mặc dù ở giai đoạn 2016-2020, mức chi của Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương và Bộ KH&CN tăng dần nhưng các bộ này lại có số liệu chi thấp nhất, với tổng mức chi khoảng 614,91 tỷ vào năm 2020. Tuy ngân sách chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng Bộ TNMT

thường xuyên ODA trong tổng ngân sách 6 bộ lần lượt chiếm 53,23% và 63,94%. Đến năm 2020, số liệu chi cho BDKH từ nguồn trong nước chiếm tỷ lệ cao hơn cả, ở mức 81,07%.

HÌNH 2. TỶ LỆ NGÂN SÁCH CHO BDKH CỦA CÁC BỘ



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các bộ.

được giao nhiệm vụ là cơ quan chủ trì cho các kế hoạch và các chương trình mục tiêu quốc gia về BDKH.

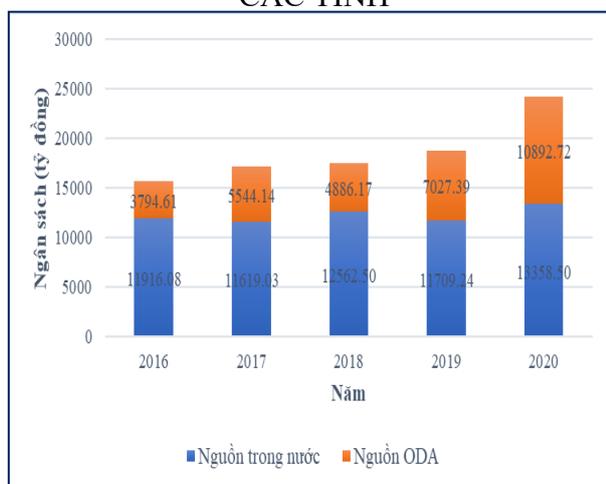
Xét về nhiệm vụ chi tiêu cho ứng phó với BDKH, hầu hết nguồn ngân sách của 6 bộ đều tập trung sử dụng nguồn vốn cho việc thích ứng (Hình 2). Cụ thể, chi tiêu cho thích ứng với BDKH chiếm 74,18% trong năm 2016 rồi giảm xuống 56,77% vào năm 2017 trước khi đạt mức cao nhất là 84,68% vào năm 2020. Ngược lại, con số chi tiêu cho các mục tiêu Giảm nhẹ và Thích ứng & Giảm nhẹ giảm từ 14,54% và 11,28% năm 2016 xuống 7,43% và 7,89% năm 2020.

*Ngân sách nhà nước của các tỉnh*

Trong giai đoạn 2016-2020, ngân sách cho BDKH của 29 tỉnh thành (bao gồm: Quảng Ninh, Tuyên Quang, Lào Cai, Hòa Bình, Cao Bằng, Thanh Hóa, Huế, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Gia Lai, Dak ông, Dak Lak, Kon Tum, Lâm

Đồng, Cần Thơ, Đồng Tháp, Trà Vinh, Long An, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bến Tre, Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bắc Ninh, Quảng Nam và An Giang) tăng từ khoảng 15.000 tỷ đồng lên gần 24.000 tỷ đồng vào năm 2020, nguyên nhân chủ yếu do mức đầu tư ODA tăng (Hình 3). Cụ thể, vốn ODA tăng từ xấp xỉ 3.800 tỷ đồng lên gần 10.900 tỷ đồng, tương đương tăng khoảng 24%

HÌNH 3. NGÂN SÁCH CHO BDKH CỦA CÁC TỈNH

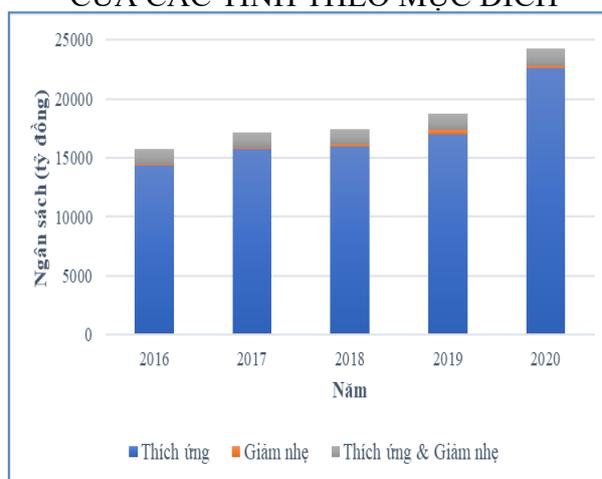


Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh.

Xét về chi tiêu phòng chống BDKH theo mục tiêu, có thể thấy rõ rằng chi phí ứng phó với BDKH của 29 tỉnh hoàn toàn tập trung vào việc Thích ứng (Hình 4). Chi phí cho Thích ứng với BDKH chiếm khoảng 91,88% trong năm 2016 và sau đó giảm xuống 90,68% trước khi phục hồi lên mức cao nhất là 93,12%. Tương tự, có sự gia tăng chi cho Giảm nhẹ BDKH từ 0,43% năm 2016 lên 0,69% vào năm 2020 mặc dù những con số này chiếm tỷ lệ thấp nhất trong tổng chi tiêu cho BDKH trong giai đoạn 2016-2020. Ngược lại, con số chi cho Thích ứng và Giảm nhẹ giảm từ 8,08% năm 2016 xuống 7,43% năm 2019 và 6,18% năm 2020.

năm 2016 lên 46% trong tổng ngân sách vào năm 2020. Ngược lại, ngân sách đầu tư trong nước phần lớn ổn định trong giai đoạn nghiên cứu, với mức tăng rất nhỏ vào năm 2020. Do nguồn vốn ODA ngày càng tăng nên tác động đến vốn đầu tư trong nước, khiến khoản này giảm từ 76% năm 2016 xuống 55% vào năm 2020.

HÌNH 4. CHI TIÊU ỨNG PHÓ VỚI BDKH CỦA CÁC TỈNH THEO MỤC ĐÍCH

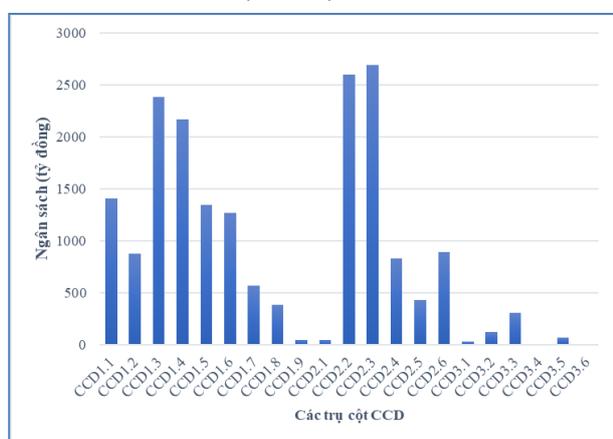


Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh.

Xét trên tiêu chí phân bổ nguồn vốn cho các nhiệm vụ, phần lớn ngân sách đầu tư cho BDKH được dùng để thực hiện các hành động liên quan đến Thực hiện đầu tư ứng phó với BDKH (CCD) thay vì Chính sách và Quản trị và Khoa học, Xã hội và Công nghệ (Hình 5). Điều này phù hợp với khả năng tương đối hạn chế của cấp tỉnh và nhu cầu về hỗ trợ chính sách và khoa học của trung ương và các ngành. Nhóm CCD chiếm hơn 99% ngân sách trong giai đoạn 2016–2020 với đa dạng các danh mục đầu tư. Bốn nhiệm vụ chính nhận được hơn 2.000 tỷ đồng mỗi năm (chiếm hơn một nửa ngân sách đầu tư) của 29 tỉnh là: CCD2.3 (Giao thông vận tải, 14,5% tổng ngân sách cho BDKH), CCD2.2 (Tính chống chịu của các khu

vực thành phố và dân cư, 14,1%), CCD1.3 (Thủy lợi, 12,9%) và CCD1.4 (Đê sông và kè biển, 11,7%). Mức phân bổ cho ba nhiệm vụ CCD khác dao động từ 1.000 đến 2.000 tỷ đồng mỗi năm: CCD1.1 (Bảo vệ bờ biển và đê ven biển, 7,6%), CCD1.5 (Chất lượng và nguồn cung cấp nước, 7,3%) và CCD1.6 (Phát triển nông thôn và an ninh lương thực, 6,9%). Các khoản nhỏ hơn từ 500-1.000 tỷ đồng được phân bổ cho các nhiệm vụ CCD2.4 (Quản lý và xử lý chất thải, 4,5%), CCD1.2 (Xâm nhập mặn, 4,8%), CCD2.6 (Tăng cường hạn chế rủi ro do thiên tai, 4,8%) và CCD1.7 (Phát triển rừng, 3,1%). Sau cùng là các khoản đầu tư cho CCD3.2 (Hiệu quả năng lượng), CCD2.1 (Y tế công và dịch vụ xã hội), CCD1.9 (Đa dạng sinh học và bảo tồn) và CCD3.1 (Sản xuất năng lượng) với mức phân bổ chưa tới 1% ngân sách cho BDKH mỗi năm (Ministry of Planning and Investment & UNDP, 2022).

HÌNH 5. MỨC ĐỘ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH TẠI 29 TỈNH THÀNH CHO CÁC NHIỆM VỤ CCD



Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của các tỉnh.

*Hỗ trợ tài chính của các tổ chức trong nước*

Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp trong nước đã và đang chung tay hỗ trợ chia sẻ gánh nặng của BDKH. Tuy nhiên, các doanh nghiệp tư nhân còn khá dè dặt đầu tư cho BDKH.

Đi đầu trong hoạt động này phải kể đến các ngân hàng. Theo Vietcombank (2020), giai đoạn 2015-2019, ngân hàng này hỗ trợ kinh phí lên tới 41,7 triệu USD với dự án “Greenness for life” nhằm nâng cao nhận thức của trẻ em về bảo vệ môi trường. Năm 2019, dự án mang tên “Vì một Việt Nam xanh” được hỗ trợ 8,5 triệu USD với mục tiêu bảo vệ môi trường, trồng cây xanh trên 63 tỉnh thành. Agribank năm 2019, đã hỗ trợ người dân khắc phục ảnh hưởng của thiên tai, nâng cao hiểu biết người dân về môi trường với số vốn đầu tư 15.220 USD và các khoản đóng góp từ người lao động theo quỹ lương (Agribank, 2020). Vietinbank (2020) cho thấy, ngân hàng này đã cấp tín dụng cho nhiều đối tượng khách hàng trong lĩnh vực tín dụng xanh (dự án tài trợ của Chương trình Tín dụng xanh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường), các dự án tiết kiệm, dự án sử dụng năng lượng hiệu quả. Trong đó, cho vay trung và dài hạn chiếm 89%, năng lượng tái tạo sạch chiếm 65%, quản lý nước bền vững ở khu vực thành thị và nông thôn (17%), xử lý chất thải và ngăn ngừa ô nhiễm (16%), nông nghiệp xanh và tái chế tài nguyên (2%). Năm 2020, ngân hàng HSBC hỗ trợ 112,7 triệu USD bao gồm Quỹ quyên góp Covid 19 trị giá 25 triệu USD và các hoạt động cung cấp gần 90 triệu USD tài chính cho các công ty phát triển công nghệ sạch có thể triển khai trên quy mô lớn hỗ trợ doanh nghiệp và gia đình chuyển sang kinh tế carbon thấp (HSBC, 2021).

Bên cạnh các ngân hàng, Vingroup cũng thể hiện vai trò tiên phong về trách nhiệm đối với môi trường xã hội quốc gia. Vingroup đã thực hiện nhiều dự án thể hiện trách nhiệm của mình đối với vấn đề về môi trường. Kể từ tháng 10 năm 2019, Vinpearl đã giảm trung bình khoảng 1,4 tấn rác thải nhựa trên toàn hệ thống mỗi tháng (Tài nguyên & Môi trường, 2020). Trong lĩnh vực sản xuất điện thoại thông minh, Vinsmart đã triển khai chiến dịch “Nói không với đồ nhựa” nhằm nâng cao nhận thức của

nhân viên và nhà cung cấp về quản lý môi trường. Theo khảo sát của Trung tâm Tiết kiệm Năng lượng Thành phố Hồ Chí Minh, việc thay thế xe máy xăng bằng xe máy điện sẽ giảm được 1,7206 kg CO<sub>2</sub> thải vào khí quyển cho mỗi km di chuyển (Tuổi trẻ online, 2019). Do đó mục tiêu hàng đầu của Vinfast là nghiên cứu các công nghệ mới. Ngày 3/2/2021, Quỹ VinFuture tài trợ bởi tập đoàn Vingroup công bố Bộ tiêu chí đề cử cho Giải thưởng VinFuture với yêu cầu cốt lõi là các đề cử phải mang lại lợi ích cho hàng triệu người trong 10 năm qua hoặc trong 10 năm tới. Với tầm nhìn toàn cầu và hướng đến mục tiêu khoa học phụng sự nhân loại, giải thưởng sẽ vinh danh các tiến bộ trong khoa học công nghệ phù hợp với 17 Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên hợp quốc (SDGs), trong đó có các tiêu chí về năng lượng tái tạo, giảm bất bình đẳng, ứng phó với BĐKH.

#### *Nguồn hỗ trợ song phương*

Trong 5 năm trở lại đây, Việt Nam tiếp cận được gần hơn với các quỹ TCKH của các nước phát triển như Nhật Bản, Mỹ, Anh,... Điều này không chỉ quan trọng ở thời điểm hiện tại mà còn có thể phát triển hơn trong tương lai nếu nguồn vốn được sử dụng có hiệu quả. Có thể kể đến một số tổ chức liên quan như Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ (USAID).

JICA là cơ quan duy nhất thực hiện viện trợ ODA của Chính phủ Nhật Bản thông qua 3 hình thức hợp tác: Hợp tác kỹ thuật, Hợp tác vốn vay và Viện trợ không hoàn lại. Các lĩnh vực ưu tiên hợp tác của JICA ở Việt Nam với viện trợ lên đến 10 tỷ USD hằng năm bao gồm: (i) Thúc đẩy tăng trưởng và tăng cường năng lực cạnh tranh quốc tế; (ii) Cải thiện điều kiện sống và thu hẹp khoảng cách phát triển; (iii) Bảo vệ môi trường và (iv) Tăng cường quản trị nhà nước. Ngoài ra, JICA đang thúc đẩy các hành động chống BĐKH tại các siêu đô thị ở Đông Nam Á. JICA đã ký một bản ghi nhớ hợp tác (MOC) với

Nhóm Lãnh đạo Khí hậu các thành phố C40 (C40) nhằm thúc đẩy và thực hiện các hoạt động hợp tác liên quan đến BĐKH tại các siêu đô thị ở Đông Nam Á (JICA Vietnam Office, 2019).

USAID đã cấp kinh phí cho hàng loạt các tổ chức phi chính phủ. Viện trợ của USAID dành cho BĐKH, năng lượng và môi trường tại Việt Nam lên đến hơn 200 triệu USD (USAID, 2022). Một số chương trình nổi bật USAID tại Việt Nam là: (i) Hợp tác về BĐKH ở Việt Nam; (ii) Tăng cường năng lực và cải cách thể chế để tăng trưởng xanh và phát triển bền vững ở Việt Nam (2014-2018); (iii) Chương trình Năng lượng sạch - Tiết kiệm Năng lượng Việt Nam (2012-2017); (iv) Chương trình Năng lượng phát thải thấp của Việt Nam (2015-2020); (v) Chương trình Rừng và Đồng bằng Việt Nam (2012-2017); (vi) Thanh niên và thích ứng Đồng bằng sông Hồng (2015-2018); (vii) Chương trình phát triển đô thị bền vững và thích ứng với khí hậu (2015-2019).

#### *Nguồn hỗ trợ đa phương*

Không chỉ có nguồn hỗ trợ song phương giữa Việt Nam và nước phát triển mà còn có nguồn hỗ trợ từ các quỹ đa phương trên thế giới. Có thể kể đến một số tổ chức như Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (WWF) hay Ủy ban Oxford cứu trợ nạn đói (OXFAM).

WWF là một trong những tổ chức phi chính phủ lớn nhất thế giới về bảo vệ thiên nhiên. Từ thập niên 1990 cho đến nay, WWF đã hợp tác với Chính phủ Việt Nam trong rất nhiều lĩnh vực tại nhiều tỉnh thành trên cả nước với mục đích duy trì, bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam. Theo WWF (2021), giai đoạn 2019–2020, WWF Việt Nam đã nỗ lực mở rộng thành công chương trình tới hai thành phố mục tiêu bao gồm Đồng Hới (tỉnh Quảng Bình) và Vinh (tỉnh Nghệ An). Đây là những khu vực ưu tiên mới

của WWF Việt Nam ở Trung Trường Sơn với giá trị bảo tồn cao.

OXFAM là một liên minh quốc tế của 20 tổ chức làm việc tại 94 quốc gia trên toàn thế giới để tìm giải pháp lâu dài cho nghèo đói và bất công. OXFAM tiến hành các hoạt động đầu tiên tại Việt Nam vào năm 1955. OXFAM đã thực rất nhiều dự án nhằm phục hồi và thích nghi với BĐKH tại Việt Nam. Có thể kể đến một vài dự án điển hình như: (i) Công nghệ khí hóa sinh khối - Giải pháp năng lượng bền vững cho chế biến nông sản và quản lý chất thải ở các vùng nông thôn Việt Nam (2020-2024), được thực hiện trên phạm vi các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai; sau đó là cấp quốc gia; (ii) Dự án Hòa nhập - Giai đoạn 2 (IP2): Chương trình Quản trị Nước Khu vực Mekong (MRWGP) (2020-2024), được thực hiện trên phạm vi các tỉnh DakLak, Sóc Trăng, và Cần Thơ; sau đó là cấp quốc gia; (iii) Con người Bảo vệ Hệ sinh thái của họ ở Hạ lưu sông Mê Kông III (PEM III) (2019-2021), được triển khai trên phạm vi tỉnh Đăk Lăk, vùng 3S, và các tỉnh Kratie và Ratanakiri ở Campuchia; (iv) Tăng cường các khoản đóng góp xác định trên toàn quốc của Việt Nam trong lĩnh vực Năng lượng và Nông nghiệp (Oxfam, 2021).

## **2.2. Đánh giá về thực trạng các nguồn vốn tài chính khí hậu tại Việt Nam**

Qua phân tích thực trạng ở trên, có thể nhận thấy một số điểm nổi bật của các nguồn vốn TCKH tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, nguồn vốn tài trợ cho hoạt động BĐKH tại Việt Nam là khá đa dạng và đầy đủ, bao gồm nguồn ngân sách nhà nước của các bộ và địa phương, nguồn vốn từ khu vực tư nhân trong nước, nguồn hỗ trợ đa phương và song phương, trong đó nguồn ngân sách nhà nước là nguồn vốn chủ yếu và quan trọng nhất tài trợ cho hoạt động BĐKH.

Thứ hai, có sự gia tăng về giá trị các khoản chi cho hoạt động chống BĐKH của ngân sách nhà nước cấp bộ và các tỉnh/thành phố.

Thứ ba, phần lớn các khoản chi của ngân sách nhà nước đều nhằm thực hiện mục tiêu thích ứng với BĐKH. Đây cũng là xu thế chung của các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới.

Thứ tư, các nguồn vốn đa phương, song phương và từ khu vực tư nhân ngày càng khẳng định rõ vai trò quan trọng. Việt Nam ngày càng được các nước và tổ chức quốc tế đánh giá cao trong nỗ lực chống BĐKH nhằm thực hiện các cam kết tại COP 26. Ngoài ra, các nguồn vốn song phương và đa phương vẫn tiếp tục được đổ vào Việt Nam. Bên cạnh đó, có thể nhìn thấy những chuyển biến rõ nét trong nhận thức của các doanh nghiệp trong nước đối với vấn đề BĐKH. Các tổ chức trong nước tham gia góp nguồn vốn TCKH không chỉ là các định chế tài chính, các ngân hàng mà còn cả các doanh nghiệp kinh doanh trong các lĩnh vực khác nhau.

Tuy nhiên, dễ nhận thấy rằng giá trị nguồn vốn TCKH tại Việt Nam là chưa lớn. Các công cụ TCKH hiện nay là khá đơn điệu, chủ yếu tập trung vào các khoản vay ưu đãi, tín dụng xanh mà chưa có các công cụ hiện đại có tính chất dài hạn hơn như trái phiếu xanh, công cụ nợ liên quan đến thị trường carbon, các công cụ vốn chủ sở hữu xanh.

## **3. Kinh nghiệm các quốc gia liên quan tới các nguồn vốn tài chính khí hậu**

### **3.1. Gắn thẻ chi tiêu cho biến đổi khí hậu tại Philippines**

Việc thực hiện Gắn thẻ chi tiêu trong BĐKH (CCET) trong năm 2015 đã thể hiện quyết tâm ngày càng tăng của Chính phủ Philippines khi giải quyết vấn đề về BĐKH. Việc thực hiện gắn thẻ chi tiêu cho BĐKH tại Philippines vừa mở ra cơ hội vừa tạo ra một

số thách thức (Alampay và cộng sự, 2017). Về mặt cơ hội, việc gắn thẻ chi tiêu khí hậu giúp xác định rõ nhiệm vụ của các bên liên quan trong quá trình thực hiện như các cơ quan giám sát, cơ quan thực hiện; đồng thời ưu tiên phân bổ cho mục tiêu thích ứng ngày càng tăng đem lại hiệu quả cho một đất nước thường xuyên bị ảnh hưởng bởi BĐKH như Philippines. Tuy nhiên, thách thức cũng đặt ra trong vấn đề nâng cao năng lực, yêu cầu quốc gia này phải đào tạo liên tục để đảm bảo nhân sự mới đủ năng lực tham gia vào quá trình gắn thẻ cũng như cập nhật kiến thức cho nhân viên hiện tại. Ngoài ra, gắn thẻ một cách chính xác, đồng bộ hóa gắn thẻ giữa cấp quốc gia và địa phương để đảm bảo sự hỗ trợ bổ sung giữa hai cấp cũng là những thách thức cần giải quyết của Philippines trong tiến trình triển khai chiến lược này.

### **3.2. Lồng ghép ứng phó với BĐKH vào chính sách phát triển thông qua các quỹ khí hậu ở Ethiopia và Bangladesh**

Theo Bhandary (2021), năm 2011, Ethiopia đã đưa ra “Chiến lược và tầm nhìn kinh tế xanh thích ứng với Biến đổi khí hậu” tham vọng khi Chính phủ quốc gia này đặt mục tiêu theo đuổi con đường tăng trưởng “không có carbon” đồng thời đạt mức thu nhập trung bình vào năm 2030. Trong đó, một thành phần quan trọng của kế hoạch này là nguồn tài chính - Quỹ CRGE. Quỹ CRGE thuộc sự quản lý của Bộ Tài chính và Hợp tác Kinh tế phối hợp cùng Ủy ban Môi trường, Rừng và Biến đổi Khí hậu Ethiopia. Để tạo sự linh hoạt trong quá trình cung cấp vốn cho quỹ, Chính phủ Ethiopia đã cho phép các nhà tài trợ có thể lựa chọn giữa việc đóng góp trực tiếp vào tài khoản do Chính phủ quản lý hoặc thông qua Văn phòng Ủy thác đối tác tại UNDP.

Tại Bangladesh, quỹ “Chống chịu với Biến đổi Khí hậu Bangladesh” (BCCRF) được thành lập vào năm 2010 như một quỹ tín thác nhiều

nhà tài trợ tập trung vào việc tài trợ cho các hành động thích ứng và chống chịu ở Bangladesh. BCCRF được hỗ trợ bởi Úc, Đan Mạch, Liên minh Châu Âu, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ. Ngoài ra, Quỹ Ủy thác Biến đổi Khí hậu Bangladesh (BCCTF) huy động các nguồn lực trong nước và phân bổ tiền cho các bộ, ngành để thực hiện các dự án liên quan đến BĐKH. Cả 2 quỹ này được lựa chọn để thực hiện “Kế hoạch Hành động và Chiến lược Biến đổi Khí hậu Bangladesh” (BCCSAP) giai đoạn 2009-2018. Cả BCCRF và BCCTF đều yêu cầu các đơn đăng ký dự án phải chứng minh sự phù hợp với Kế hoạch hành động về BĐKH ở Bangladesh, nhằm thể hiện mối liên hệ giữa dự án với cách thức giải quyết vấn đề BĐKH (Bhandary, 2021).

### **3.3. Phát triển thị trường “Tài chính xanh” tại Singapore**

Singapore đã phát triển đất nước trở thành trung tâm “Tài chính xanh” tại khu vực Đông Nam Á (dẫn đầu khu vực này với thị phần lớn nhất là 55% vào năm 2019) và xa hơn là thị trường châu Á hay toàn cầu. Cơ quan tiền tệ Singapore (MAS) đã triển khai chương trình tài trợ Trái phiếu xanh vào năm 2017. Hai công ty phát hành trái phiếu xanh đầu tiên ở Singapore là City Development Limited (CDL) - một công ty bất động sản và Development Bank of Singapore Limited (DBS) - một ngân hàng thương mại. Số tiền thu được từ trái phiếu của CDL (khoảng 100 triệu đô la Singapore) được phân bổ để trang bị thêm thiết bị tiết kiệm năng lượng và giảm carbon cho các tòa nhà thương mại. Trong khi số tiền thu được từ trái phiếu xanh DBS trị giá 500 triệu đô la sẽ được đầu tư vào các công trình xanh, giao thông bền vững, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng hiệu quả, quản lý chất thải và thích ứng với BĐKH (NCCS, 2022).

### **3.4. Vai trò chủ động của Chính phủ tại Hàn Quốc**

Theo Global Green Growth Institute (2015), Chính phủ Hàn Quốc đã thành lập hệ thống quản trị để thực hiện các kế hoạch tăng trưởng xanh, thành lập khung pháp lý và tạo các chính sách tài khóa cùng nguồn lực ngân sách để bảo đảm hỗ trợ các kế hoạch đề ra. Ban hành chiến lược và kế hoạch hành động, chính sách tiêu chuẩn về tăng trưởng xanh và thành lập thể chế liên bộ là ba nội dung quan trọng do Chính phủ Hàn Quốc đề ra. Chính phủ đã đặt ra các mục tiêu trung và dài hạn, sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo,... Để thúc đẩy động lực trên nhiều phương diện, Chính phủ tập trung vào các khoản đầu tư chiến lược mới cho công nghệ xanh. Thêm vào đó, Hàn Quốc thành lập Ủy ban Tổng thống về Tăng trưởng xanh (PCGG), đóng vai trò là cơ quan liên bộ cao nhất giữ chức năng giám sát thúc đẩy thực hiện kế hoạch đã định và các sáng kiến về tăng trưởng xanh. Hàn Quốc đã thực hiện thay đổi về chính sách tài khóa thực hiện tăng trưởng xanh bao gồm ba nội dung: tăng trưởng xanh phải được tiên tệ hóa dưới hình thức một chính sách ngân sách; cơ quan lập kế hoạch và tài chính cấp trung ương đóng vai trò chủ đạo; và tăng ngân sách cho tăng trưởng xanh không đồng nghĩa là giảm ngân sách cho y tế, giáo dục. Để có nguồn vốn đối với tăng trưởng xanh, việc đầu tiên là phải xác định được các khoản chi cho tăng trưởng xanh.

### **Kết luận và kiến nghị**

Nhìn chung, nguồn vốn tài trợ cho hoạt động BĐKH tại Việt Nam là khá đa dạng và đầy đủ, trong đó nguồn ngân sách nhà nước là nguồn vốn chủ yếu và quan trọng nhất tài trợ cho hoạt động BĐKH. Tuy nhiên, trong bối cảnh ngân sách nhà nước ngày càng khó khăn và Việt Nam đã đưa ra các mục tiêu có tính cam kết cao về thích ứng và chống BĐKH, việc đa dạng hóa hơn nữa nguồn vốn TCKH, nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn vốn TCKH là rất quan trọng. Trên cơ sở

thực trạng các nguồn vốn tài chính khí hậu tại Việt Nam và kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới, bài viết đề xuất một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất là vai trò quan trọng, tiên phong của Chính phủ Việt Nam. Kinh nghiệm từ Hàn Quốc cho thấy, Chính phủ nước này đã thể hiện sự quyết tâm và vai trò chủ động bằng việc ban hành chiến lược và kế hoạch hành động, đặt ra các mục tiêu trung và dài hạn, hoàn thiện khung pháp lý và xây dựng các chính sách tài khóa để thúc đẩy các nguồn tài trợ cho BĐKH. Trong nhiều năm qua, Chính phủ Việt Nam cũng đã thể hiện quyết tâm mạnh mẽ này.

Để có thể huy động tốt hơn các nguồn vốn TCKH, đặc biệt là các nguồn hỗ trợ song phương và đa phương, Chính phủ Việt Nam cần có giải pháp quyết liệt hơn về tính minh bạch thông tin về các chương trình BĐKH, quá trình phân bổ và sử dụng nguồn vốn tài trợ bởi đây là điều mà các tổ chức đa phương và song phương rất quan tâm. Theo đó, cần thiết lập các cơ sở dữ liệu, thông tin một cách chính xác để các bộ, ngành có thể nắm bắt rõ được tình hình. Các nguồn thông tin bao gồm thông tin về tiến độ; kết quả thực hiện các hoạt động thích ứng với BĐKH, báo cáo giám sát, đánh giá về kế hoạch ứng phó với BĐKH.

Thứ hai là thực hiện phân bổ minh bạch quyền hạn cho các cơ quan liên quan. Về quản lý nguồn vốn TCKH, kinh nghiệm từ Bangladesh, Ethiopia và Philippines cho thấy sự cần thiết phải đa dạng hóa và phân bổ vai trò của các bộ, ngành trong quản lý TCKH để tạo ra sự đồng bộ và thống nhất về mục tiêu chống BĐKH của toàn bộ hệ thống trung ương hay việc triển khai thực hiện gắn thể chi tiêu cho BĐKH để dễ dàng trong việc đánh giá mức độ ưu tiên cho các dự án BĐKH cũng như giám sát hiệu quả dòng chảy tài chính qua hệ thống quản lý dữ liệu của Ủy ban BĐKH.

Cuối cùng là phát triển thị trường tài chính xanh. Tài chính xanh với sản phẩm đặc thù như trái phiếu xanh, đóng vai trò là kênh dẫn vốn và công cụ điều tiết các nguồn lực cho quá trình phát triển bền vững của nền kinh tế. Quá trình phát triển thị trường tài chính xanh đã trở nên sôi động hơn bao giờ hết trên thế giới, đặc biệt tại Singapore - một trong những trung tâm “tài chính xanh” bậc nhất châu Á. Dẫn chứng thực nghiệm tại quốc gia này cho thấy quyết tâm của Chính phủ trong việc thúc đẩy phân khúc tài chính xanh trong hệ thống tài chính, đồng thời nỗ lực huy động các nguồn lực tài chính cho phòng chống BĐKH thông qua sản phẩm trái phiếu xanh. Việt Nam đã có 02 đợt phát hành trái phiếu xanh tại Vũng Tàu và TP. Hồ Chí

Minh. Tuy nhiên, về tổng thể, thị trường tài chính xanh ở Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển và chưa có nhiều bước tiến mới. Vì vậy, cần có các giải pháp quyết liệt hơn. Trong thực tế, để có thể được gắn nhãn “xanh”, trái phiếu phải đáp ứng những yêu cầu nghiêm ngặt của ICB. Do đó, trong giai đoạn hiện nay, Chính phủ nên là chủ thể phát hành các trái phiếu này để tài trợ cho các dự án xanh của Việt Nam. Ngoài ra, trong trường hợp các doanh nghiệp lớn phát hành trái phiếu xanh, Chính phủ cần có các giải pháp khuyến khích như ưu đãi về thuế hay có những giải pháp mạnh hơn như cho phép người mua trái phiếu được cầm cố trái phiếu tại các tổ chức tài chính.

#### Tài liệu tham khảo

1. Agribank (2020). Báo cáo thường niên năm 2019. Accessible at: <https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/cong-bo-thong-tin/bao-cao-thuong-nien>.
2. Alampay E.A, Torre D.T., Eguia G. and Asuncion X. (2017). *Climate Change Expenditure Tagging in the Philippines Policy Brief*. Center for Local and Regional Governance, National College of Public Administration and Governance, pp 1-3. Doi: Doi: 10.13140/RG.2.2.22180.78729
3. Báo cáo của 6 Bộ về chi cho biến đổi khí hậu năm 2020.
4. Báo cáo của 29 tỉnh/thành phố về chi cho biến đổi khí hậu năm 2020.
5. Bộ tài nguyên và Môi trường (2020). *Kịch bản biến đổi khí hậu*. Nhà xuất bản tài nguyên-môi trường và bản đồ Việt Nam. Doi: [http://dwrn.gov.vn/uploads/news/2022\\_01/kich-ban-bien-doi-khi-hau-phien-ban-cap-nhat-nam-2020.pdf](http://dwrn.gov.vn/uploads/news/2022_01/kich-ban-bien-doi-khi-hau-phien-ban-cap-nhat-nam-2020.pdf)
6. Bhandary (2021). *Climate mainstreaming via national climate funds: the experiences of Bangladesh and Ethiopia*. Climate Policy Lab, The Fletcher School, Tufts University, Medford, MA, USA. Doi: <https://doi.org/10.1080/17565529.2021.1921686>.
7. Eckstein D., Kunze V., Schafer L. (2021). Global climate risk index 2021: Who suffers most from extreme weather events? Weather-related loss events in 2019 and 2000-2019. Germanwatch. Accessible at: <https://www.germanwatch.org/en/19777>
8. Ellisi J., Caruso R. and Ockenden S. (2013). *Exploring Climate Finance Effectiveness*. OECD/IEA Climate Change Expert Group Papers, No. 2013/04, OECD Publishing, Paris. Doi: <https://doi.org/10.1787/5jzb44nmnb2-en>.
9. Global Green Growth Institute (2015). Korea's Green Growth Experience: Process, Outcomes and Lessons Learned. Accessible at: <https://ggi.org/wp-content/uploads/2016/01/Koreas-Green-Growth-Experience.pdf>
10. High-Level Advisory Group on Climate Change Financing (2010). Report of the Secretary General's High-level Advisory Group on Climate Change Financing. 5th November.
11. HSBC (2021). Hoạt động bền vững. Accessible at: <https://www.about.hsbc.com.vn/vi-vn/our-company/sustainability>

12. JICA Vietnam Office (2019). Paper on Japan ODA and JICA's activities in Vietnam. Accessible at: [https://www.jica.go.jp/vietnam/english/activities/c8h0vm00004cfemz-att/general01\\_en.pdf](https://www.jica.go.jp/vietnam/english/activities/c8h0vm00004cfemz-att/general01_en.pdf)
13. Ministry of Planning and Investment & UNDP (2022). *Climate Public Expenditure and Investment Review of Viet Nam*. Accessible at: <https://www.undp.org/vietnam/publications/climate-public-expenditure-and-investment-review-viet-nam>.
14. NCCS (2022). Singapore's climate ambition and revised carbon tax levels. Accessible at: <https://www.nccs.gov.sg/>
15. Oxfam (2021). Secured Livelihoods and Resilient Communities. Accessible at: <https://vietnam.oxfam.org/what-we-do/secured-livelihoods-and-resilient-communities>
16. Tài nguyên & Môi trường (2020). Vinpearl nhận giải thưởng Môi trường quốc gia duy nhất của ngành Du lịch. Accessible at: <https://baotainguyenmoitruong.vn/vinpearl-nhan-giai-thuong-moi-truong-quoc-gia-duy-nhat-cua-nganh-du-lich-318621.html>
17. Tuổi trẻ online (2019). 15.000 chiếc Klara và kế hoạch “giải cứu” môi trường. Accessible at: <https://tuoitre.vn/15-000-chiec-klara-va-ke-hoach-giai-cuu-moi-truong-20190605082451288.htm>
18. United Nations (1992). United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC). Accessible at: [https://unfccc.int/files/essential\\_background/background\\_publications\\_htmlpdf/application/pdf/convention.pdf](https://unfccc.int/files/essential_background/background_publications_htmlpdf/application/pdf/convention.pdf)
19. USAID (2022). Biến đổi khí hậu, năng lượng và môi trường. Accessible at: <https://www.usaid.gov/vi/vietnam/environment-clean-energy-and-climate-change>
20. Vietcombank (2020). Annual Report 2019. Accessible at: <https://portal.vietcombank.com.vn/VCBDigital/2019/en/cong-dong-va-xa-hoi.html>
21. Vietinbank (2020), “Báo cáo thường niên 2019”, Accessible at: <https://investor.vietinbank.vn/Handlers/ViewReport.aspx?ReportID=826>
22. World Bank (2021). *What You Need to Know About Concessional Finance for Climate Action*. Accessible at: <https://www.google.com/url?q=https://www.worldbank.org/en/news/feature/2021/09/16/what-you-need-to-know-about-concessional-finance-for-climate-action&sa=D&source=docs&ust=1645373723669309&usg=AOvVaw0vIk71P6k4RPr3nQDeRRmw>.
23. WWF (2021). *Annual report highlights FY 2020*. Accessible at: [https://wwfasia.awsassets.panda.org/downloads/wwf\\_viet\\_nam\\_annual\\_report\\_fy20.pdf](https://wwfasia.awsassets.panda.org/downloads/wwf_viet_nam_annual_report_fy20.pdf).

---

#### Thông tin tác giả:

##### 1. Nguyễn Thị Nhung, TS.

- Đơn vị công tác: Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Địa chỉ email: nguyenthinhung.1684@gmail.com

##### 2. Nguyễn Minh Hòa, Sinh viên.

- Đơn vị học tập: Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

##### 3. Vũ Thị Phương Anh, Sinh viên.

- Đơn vị học tập: Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

##### 4. Đỗ Thị Hoàng Anh, Sinh viên.

- Đơn vị học tập: Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày nhận bài: 4/2/2022

Ngày nhận bản sửa: 15/3/2022

Ngày duyệt đăng: 2/5/2022